

Vietnam Daily Review

Ngập ngừng trước thềm 1200

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/7/2022	•		
Tuần 25/7-29/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở:

Nhà đầu tư có vẻ vẫn e dè khi gặp lại ngưỡng 1200. Sau khi chạm đến gần ngưỡng này trong nửa phiên sáng, thị trường gặp phải lực bán và đi một mạch xuống quanh vùng 1185 trước khi quay lại giằng co quanh ngưỡng 1185-1190. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1188.5 điểm, giảm hơn 6 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/19 ngành giảm điểm; các ngành như Hóa chất, Dầu khí, Bán lẻ, Tiện ích đều có một phiên giao dịch thiếu tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Hiện tại, VN-Index đang có xu hướng test lại SMA 20 tương ứng với ngưỡng 1185. Trong ngắn hạn, thị trường có thể sẽ tiếp tục tích lũy trong vùng 1185-1200.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Short các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-6.26** điểm, đóng cửa **1188.50** điểm. HNX-Index **-3.46** điểm, đóng cửa **285.38** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.78)**, **VNM (+0.48)**, **VCB(+0.48)**, **BCM (+0.35)**, **VHM (+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.46)**, **GVR (-0.69)**, **VPB (-0.55)**, **MWG (-0.43)**, **HPG (-0.43)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,760** tỷ đồng, giảm **21.16%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9,928 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 13.84 điểm. Thị trường có **127** mã tăng, 72 mã tham chiếu và **321** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **154.88** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (83.27 tỷ)**, **MWG (68 tỷ)**, **VNM (21.96 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-5.93** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1188.50**

Giá trị: 8759.65 tỷ

-6.26 (-0.52%)

Khối ngoại (ròng): 154.88 tỷ

HNX-INDEX **285.38**

Giá trị: 2979.28 tỷ

-3.45 (-1.19%)

Khối ngoại (ròng): -5.93 tỷ

UPCOM-INDEX **88.35**

Giá trị: 0.57 tỷ

-0.49 (-0.55%)

Khối ngoại (ròng): -23.81 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	94.0	-0.75%
Giá vàng	1,729	0.07%
Tỷ giá USD/VND	23,393	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	23,880	-0.20%
Tỷ giá JPY/VND	17,159	0.24%
LS liên NH 1 tháng	3.6%	1.00%
LS TPCP 5 năm	2.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	83.3	HPG	-57.9
MWG	68.0	DPM	-13.4
VNM	22.0	VHM	-11.9
LPB	19.5	SAB	-8.0
SSI	16.8	E1VFN30	-7.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
20/7/22	HAH	67.9	78.5	63.5	65.8	5	-3.09%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/7/22	GVR	23.2	26.5	21.9	22.8	7	-1.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

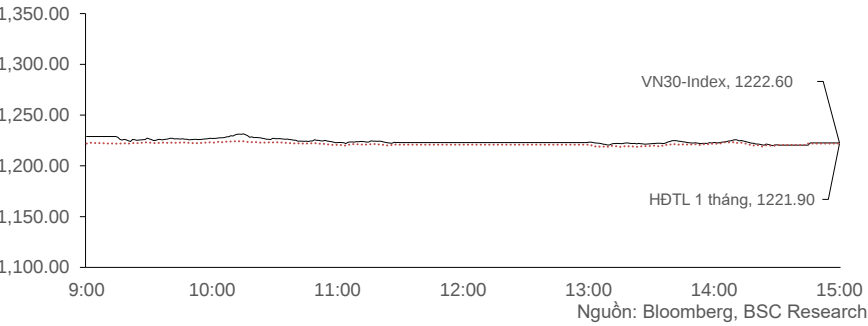
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-2.41%	-2.41%	6
Cổ phiếu đã chốt	249	221	7.10%	-7.54%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1234.10	0.65%	11.50	7.4%	203,851	7/21/2022	0
VN30F2208	1221.90	-0.30%	-0.70	-9.4%	187,038	8/18/2022	26
VN30F2209	1221.50	-0.31%	-1.10	-49.7%	175	9/15/2022	54
VN30F2212	1219.50	-0.34%	-3.10	-28.8%	57	12/15/2022	145

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -6.24 điểm xuống 1222.60 điểm, biên độ dao động 14.17 điểm. Các cổ phiếu như BID, BVH, SAB, KDH, và PLX đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30. Chỉ số VN30 hôm nay tiếp tục vận động trong biên độ nhỏ với thanh khoản thấp. Các chỉ báo kỹ thuật và mẫu hình nền đang ở ủng hộ cho sự tiếp diễn của xu hướng giảm. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Short các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Tất cả các HĐ đều giảm xét về KLGD. Xét về vị thế mở, chỉ VN30F2209 giảm, các HĐ còn lại vận động trái chiều.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2209	12/27/2022	155	15.5:1	16,900	25.58%	1,000	400	5.26%	66	6.04	89,354	69,979	58,900
CVRE2210	12/7/2022	135	4:1	2,100	39.57%	2,300	1,040	2.97%	436	2.38	28,800	28,800	26,300
CVNM2204	10/7/2022	74	9.67:1	210,400	26.78%	1,500	750	1.35%	533	1.41	70,603	73,000	72,900
CVHM2210	1/3/2023	162	16:1	292,200	25.58%	1,000	310	0.00%	14	22.39	97,439	79,999	58,900
CVHM2207	10/19/2022	86	7.77:1	1,600	25.58%	2,000	430	0.00%	38	11.30	85,537	73,000	58,900
CHPG2208	10/7/2022	74	3.78:1	121,600	36.71%	2,500	310	0.00%	13	23.92	39,406	40,000	21,900
CNVL2207	1/9/2023	168	10:1	100	25.79%	1,270	990	0.00%	219	4.51	96,900	84,000	73,700
CVRE2203	8/15/2022	21	4:1	34,300	39.57%	1,600	20	0.00%	1	24.19	33,979	33,979	26,300
CVHM2211	3/28/2023	246	16:1	176,800	25.58%	1,000	710	-1.39%	207	3.43	76,359	64,999	58,900
CMBB2206	10/3/2022	70	10:1	67,200	36.04%	1,000	550	-3.51%	363	1.52	31,422	22,222	25,250
CPDR2204	1/3/2023	162	16:1	1,100	31.28%	1,000	540	-3.57%	166	3.25	71,419	57,979	52,400
CPNJ2201	9/20/2022	57	7.91:1	38,500	41.47%	2,300	2,710	-6.55%	2,584	1.05	113,216	95,500	113,200
CVJC2202	9/20/2022	57	20:1	100,600	27.92%	1,100	140	-6.67%	7	18.74	173,989	156,789	125,800
CKDH2206	9/20/2022	57	7.26:1	3,000	36.00%	1,100	90	-10.00%	8	11.57	69,936	52,999	36,300
CTPB2203	10/28/2022	95	10:1	345,800	44.28%	1,000	710	-11.25%	533	1.33	75,899	22,999	27,400
CMWG2204	10/7/2022	74	4.97:1	321,400	34.93%	3,000	680	-11.69%	276	2.46	85,598	45,000	63,300
CVPB2205	9/19/2022	56	4:1	187,100	37.55%	2,100	210	-12.50%	9	22.30	37,500	37,500	27,650
CHDB2205	10/20/2022	87	5:1	21,800	39.29%	1,000	340	-12.82%	148	2.30	34,261	27,111	23,600
CMWG2201	9/20/2022	57	4.97:1	78,400	34.93%	2,600	810	-12.90%	444	1.82	72,030	134,500	63,300
CACB2201	9/20/2022	57	3.2:1	53,700	28.98%	1,500	240	-14.29%	33	7.21	31,111	35,500	24,050

Tổng 2,074,600 33.17%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

- Trong phiên giao dịch ngày 25/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CNVL2203 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 614.29% và 16.67%. Giá trị giao dịch giảm -25.18%, CHPG2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.40% thị trường.
- CTPB2204, CHPG2206, CVNM2207, và CMWG2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2204, CHPG2215, CMBB2207, và CMSN2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203, và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	63.3	-1.9%	0.7	4,028	11.2	3,515	18.0	4.1	48.9%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	113.2	-1.1%	0.7	1,193	1.0	5,308	21.3	3.4	49.0%	19.9%
BVH	Bảo hiểm	55.4	-1.6%	1.2	1,788	3.1	2,529	21.9	1.9	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	43.6	-0.5%	0.7	444	0.0	3,287	13.3	1.3	58.5%	9.9%
VIC	Bất động sản	67.3	1.2%	0.5	11,160	2.2	(578) #N/A	N/A	2.5	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.3	1.2%	1.1	2,598	1.3	401	65.6	1.9	31.9%	3.0%
VHM	Bất động sản	58.9	0.3%	0.8	11,151	3.1	8,786	6.7	2.0	23.2%	34.5%
DXG	Bất động sản	21.9	-0.5%	1.4	578	4.0	1,503	14.6	1.4	29.1%	11.3%
SSI	Chứng khoán	20.5	-2.2%	1.7	1,325	16.4	2,841	7.2	1.4	22.0%	22.6%
VCI	Chứng khoán	38.6	1.6%	1.0	562	8.8	4,546	8.5	1.8	18.3%	24.3%
HCM	Chứng khoán	25.8	4.5%	1.6	512	10.7	2,522	10.2	1.5	42.5%	17.5%
FPT	Công nghệ	85.4	0.4%	1.0	4,073	8.4	4,293	19.9	4.8	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.5	-2.1%	0.4	978	0.0	4,926	13.9	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	104.7	-2.9%	1.0	8,713	2.5	5,109	20.5	3.7	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	41.1	-1.7%	1.5	2,270	0.8	1,950	21.1	2.0	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	22.5	-4.7%	1.6	468	8.4	1,408	16.0	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	24.1	-3.6%	0.8	3,249	10.6	2,108	11.4	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	91.5	-2.1%	0.3	520	0.0	6,361	14.4	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	44.0	-4.3%	1.3	749	5.2	12,920	3.4	1.4	16.0%	50.2%
DCM	Hóa chất	28.3	-4.7%	1.2	650	3.3	5,643	5.0	1.7	9.0%	38.9%
VCB	Ngân hàng	72.9	0.6%	0.8	15,000	3.0	4,855	15.0	2.9	23.4%	21.1%
BID	Ngân hàng	35.4	-0.3%	1.2	7,786	1.8	2,266	15.6	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.6	-1.1%	1.5	5,558	2.6	2,558	10.4	1.3	26.6%	13.0%
VPB	Ngân hàng	27.7	-1.8%	1.2	5,344	9.5	3,755	7.4	1.4	17.6%	22.2%
MBB	Ngân hàng	25.3	-1.2%	1.3	4,148	4.0	3,623	7.0	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.1	-1.2%	1.1	3,532	1.9	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	58.9	1.6%	0.7	210	0.0	3,150	18.7	2.0	85.4%	10.7%
NTP	Nhựa	41.1	-1.0%	0.6	232	0.1	3,914	10.5	1.8	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	19.0	-2.6%	1.6	908	0.2	178	106.7	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.9	-1.4%	1.1	5,537	19.8	5,726	3.8	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	17.6	-2.8%	1.6	381	3.8	7,157	2.5	0.8	6.6%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	72.9	1.3%	0.6	6,624	3.9	4,390	16.6	4.7	54.7%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	165.0	-0.6%	0.8	4,600	0.9	5,969	27.6	4.9	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	108.6	0.1%	1.0	6,722	2.2	7,041	15.4	5.6	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.9	-1.9%	1.6	488	0.7	1,144	15.6	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	85.1	0.1%	0.8	8,055	0.1	363	234.6	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.8	0.2%	1.1	2,962	3.2	361	348.0	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.4	-1.5%	1.7	1,574	0.5	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	50.0	-1.6%	1.0	655	1.0	2,256	22.2	2.3	45.9%	10.8%
PVT	Vận tải	19.0	-3.3%	1.4	267	1.3	2,088	9.1	1.1	13.4%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	74.5	-1.3%	0.9	518	0.3	10,540	7.1	2.3	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	57.0	-2.1%	0.8	1,111	1.8	3,677	15.5	3.3	5.7%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	-1.9%	1.1	261	0.5	506	31.1	1.2	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	55.8	-3.8%	1.2	179	3.2	(27) #N/A	N/A	0.5	52.1%	0.0%
CII	Xây dựng	19.1	-1.5%	1.4	209	2.2	1,266	15.1	0.9	10.7%	6.1%
REE	Điện	79.6	-1.6%	-1.4	1,230	2.5	5,994	13.3	2.1	49.1%	16.7%
PC1	Điện	36.8	0.3%	-0.4	376	1.9	3,238	11.3	1.8	4.7%	16.9%
POW	Điện	13.2	0.0%	0.6	1,339	4.4	859	15.3	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	26.0	4.0%	0.6	325	1.7	3,116	8.3	1.7	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	36.2	-1.8%	1.5	1,208	6.2	866	41.8	1.9	19.2%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	67.8	2%	1.0	3,051	0.5	1,190	57.0	4.2	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	67.30	1.20	0.77	755800
VCB	72.90	0.55	0.48	962700
VNM	72.90	1.25	0.48	1.24MLN
BCM	67.80	1.95	0.34	180700
VHM	58.90	0.34	0.22	1.23MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.50	543700	1.11MLN
GVR	0.00	-0.71	1.19MLN	607060
VPB	0.00	-0.57	7.81MLN	373600
MWG	0.00	-0.45	4.02MLN	192700
HPG	0.00	-0.44	20.72MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAX	20.15	6.90	0.02	1.56MLN
ST8	25.10	6.81	0.01	240900
HOT	32.95	6.81	0.00	900
VNS	13.35	6.80	0.02	106000
VRC	12.65	6.75	0.01	118200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVC	94.60	-6.89	-0.06	1000
PNC	9.03	-6.81	0.00	100
LDG	9.21	-6.31	-0.04	4.09MLN
VAF	13.15	-6.07	-0.01	100
APG	6.42	-5.31	-0.01	2.37MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

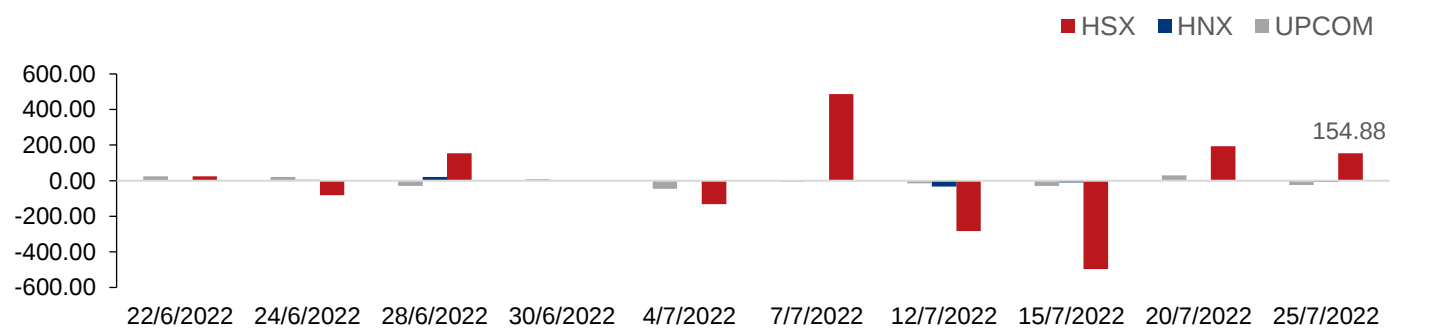
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	29.10	2.11	0.20	3.59MLN
SJE	40.40	9.78	0.11	2.23MLN
VIF	18.90	9.25	0.09	100
IDJ	14.30	2.88	0.07	2.99MLN
MBS	21.00	3.45	0.06	1.56MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	28.80	-4.00	-1.13	12600
THD	56.00	-2.44	-0.62	77600
PVS	22.50	-4.66	-0.44	8.46MLN
IDC	60.10	-1.48	-0.37	1.38MLN
SHS	12.40	-1.59	-0.26	8.57MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTT	51.70	10.0	0.01	700
VTH	11.00	10.0	0.00	6000
CMS	18.80	9.9	0.03	166100
SDU	33.30	9.9	0.02	500
CLM	61.10	9.9	0.04	3900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EID	19.10	-9.91	-0.02	12100
BSC	13.00	-9.72	0.00	100
MEL	11.30	-9.60	-0.01	7000
PIA	26.60	-9.22	-0.01	300
VE8	7.90	-9.20	0.00	1200

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	44.0	12,920	3.4	1.4	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	15.8	506	31.1	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.0	3,116	8.3	1.7	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	16.3	0	143.3	0.6	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	35.9	6,244	5.7	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	23.2	1,187	19.5	1.8	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	36.8	3,238	11.3	1.8	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.2	859	15.3	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	18.5	9,632	1.9	0.8	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	79.6	5,994	13.3	2.1	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	35.7	4,406	8.1	1.0	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	104.7	5,109	20.5	3.7	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	45.9	3,842	11.9	2.1	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	21.9	5,726	3.8	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	17.6	4,039	4.4	2.3	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.1	2,108	11.4	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	65.1	3,434	19.0	5.3	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	113.2	5,308	21.3	3.4	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.0	1,701	8.2	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.0	3,116	8.3	1.7	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	70.8	10,782	6.6	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	76.5	4,874	15.7	5.0	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	36.8	3,238	11.3	1.8	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.4	-129	#N/A N/A	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	85.4	4,293	19.9	4.8	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.2	2,279	11.9	1.8	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	18.5	9,632	1.9	0.8	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.2	859	15.3	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	113.2	5,308	21.3	3.4	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	63.3	3,515	18.0	4.1	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.0	2,088	9.1	1.1	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	96.5	12,412	7.8	4.0	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	21.9	5,726	3.8	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	36.2	866	41.8	1.9	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.8	5,207	4.6	1.5	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	21.9	1,503	14.6	1.4	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	59.0	4,775	12.4	4.7	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.9	3,842	11.9	2.1	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	26.4	2,906	9.1	1.8	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	83.1	11,153	7.5	2.1	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.0	1,941	14.4	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	43.6	3,287	13.3	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	22.5	1,408	16.0	0.9	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	104.7	5,109	20.5	3.7	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	20.2	4,011	5.0	1.4	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	55.8	-27	#N/A N/A	0.5	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.0	1,701	8.2	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
6	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
11	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
14	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
16	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
20	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
23	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
26	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
29	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
32	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
36	Banking Sector Outlook		x	Click
37	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
39	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
40	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
41	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
42	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
44	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639